

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+PVD6	7:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
2		PVD6+RP2	9:25	18+3	0+0		14+8	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/01/2019	TO: PVD1 - PVD6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - N Nam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE TUAN	PVD1	57-58	2	16		70	DVL	Vietnamese
2	TRAN VAN NGHI	PVD1	50-51	2	15		70	DVL	Vietnamese
3	NG HAM TUNG	PVD1	59	1	7		72	DVL	Vietnamese
4	THAI DUC SAM	PVD1	52	1	8	40	70	DVL	Vietnamese
5	CAO VAN VIET	PVD1	54-55	2	10		68	DVL	Vietnamese
6	CHAU VAN MY	PVD1	53	1	5		67	DVL	Vietnamese
7	BUI NGOC THANG	PVD1	56	1	7		60	DVL	Vietnamese
8	HOANG THE TAI	PVD6	30	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
9	LE MANH HUNG	PVD6	91	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN CONG CHIEN	PVD6	90	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUOC HUONG	PVD6	42	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
12	HA NGUYEN ANH TUAN	PVD6	33	1	13		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DINH THIEM	PVD6	59	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
14	DANG KIM SON	PVD6	34	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THAI HOA	PVD6	39	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	HA QUANG SANG	PVD6	40-41	2	13		72	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN QUOC TUAN	PVD6	38	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DUY HOA	PVD6	31	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN HOANG DUNG	PVD6	35	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
20	LE TAN DAT	PVD6	36	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
21	QUACH NGOC TUAN	PVD6	37	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
22	TRINH VAN TRUNG	PVD6	32	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	7	10	68	477	40	4		
2	PVD6	15	16	108	1.002	0	18		
TOTAL		22	26	176	1.479	40	22		
WEIGHT KG				176	1.479	40			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RP1+P4	7:25	10+0+10	0+0+0		3+7+12	0+0+0	
2		P3+P2	7:25	12+9	0+0		13+9	0+0	
3		P1+CLO	7:25	15+7	0+0		7+13	0+0	
4		TD1+P10	7:25	18+0	0+0		16+6	0+0	
5		P7+P2	9:25	14+8	0+0		11+11	0+0	
6		P4	9:25	18	0		22	0	
7		AMD+BK6+BK8	9:25	8+5+9	0+0+0		5+8+9	0+0+0	
8		P2+CTK3	9:25	20+1	0+0		22+1	0+0	CTK3 VỀ GHẾ PHỤ
9		P5+BK5	11:25	14+5	0+0		14+6	0+0	
10		P7	11:25	17	0		22	0	
11		HSD+AMD	11:25	5+12	0+0		4+18	0+0	
12		PPD+P1	11:25	2+13	0+0		5+17	0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2019	TO: CLO - RP1 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - PTUÁN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	16	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TRUNG	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
3	LA VIET HUNG	CLO	15	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TUONG LONG	CLO	09	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC LY	CLO	14	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
6	VU NGOC LUAN	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN SINH	CLO	13	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DINH HAI	CLO	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN KIM HUNG	CLO	12	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN BUI QUANG	CLO	10	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	ANSEROV V.	P4					80	KH-THAC	Russian
12	NGUYEN TRONG BINH	P4	75	1	6		70	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN DINH TRONG	P4	65	1	7	70	70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN LE HUY HOANG	P4	64	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
15	VU MANH HA	P4	78	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHONG	P4	76	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUY THAI	P4	77	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG VINH	P4	70	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG HUU HAU	P4	69	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM THAI SON	P4	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	10	8	44	740	0	3		
2	RP1	0	0	0	0	0	7		
3	P4	10	9	57	725	70	12		
TOTAL		20	17	101	1.465	70	22		
WEIGHT KG				101	1.465	70			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

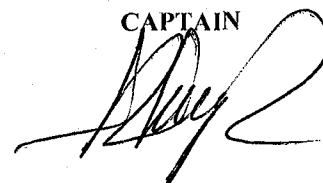
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2019	TO: P3 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vận - MTHAO - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CỬU	P3	27	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN ĐẠM	P3	23	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN MINH HOÀI	P3					71	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI VĂN BA	P3	28	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI SY CONG	P3	29	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	25	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THIÊN THANH	P3	24	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	22	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG BA VINH	P3	30	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ANH QUỐC	P3	26	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	P3	21	1	4		61	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYỄN CANH HIEN	P3	31	1	7		53	GETRACO	Vietnamese
13	KHAERDINOV VITALY	P2	85	1	8		77	KHOAN	Russian
14	KHOKHLOV A	P2	03	1	10		95	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN SƠN TRƯỞNG	P2	86	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG ĐỨC HIỆU	P2	96	1	6	120	67	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VIỆT THANH	P2	83,200	2	5		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN BA ĐỒNG	P2	87	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG MINH ĐỨC	P2	84	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC HUY	P2	67	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	88	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	12	11	56	830	0	13		
2	P2	9	10	62	662	120	9		
TOTAL		21	21	118	1.492	120	22		
WEIGHT KG				118	1.492	120			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2019	TO: P1 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - Nam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	P1	05	1	5		68	YTE	Vietnamese
2	VŨ VĂN MẠNH	P1					84	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ XUÂN QUY	P1	14	1	7		107	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN LÀNH	P1	06	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN THẮNG	P1	12	1	19		63	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN THẮNG	P1	03	1	10	58	68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG THỌ	P1					70	KH-THAC	Vietnamese
8	VỊ KHẮC THÀNH	P1	13	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN TUẤN	P1	10	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ HỮU CHUNG	P1	11	1	3		51	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	15-16	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG TIẾN	P1	07	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ DUY KHANH	P1	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHANH DUY	P1	09	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN TỰ	P1	04	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGHIÊM ĐÌNH TUẤN	CLO	39	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC KHÁNH	CLO	37	1	7		101	D-HANH	Vietnamese
18	HOÀNG TUẤN HAI	CLO	45	1	7	20	72	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN TIẾP	CLO	46	1	5	50	75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	40	1	6		63	DVL	Vietnamese
21	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	41	1	7		58	DVL	Vietnamese
22	TRẦN VĂN THUẬT	CLO	38	1	12		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	15	14	92	1.055	58	9		
2	CLO	7	7	49	515	70	13		
TOTAL		22	21	141	1.570	128	22		
WEIGHT KG				141	1.570	128			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2019	TO: TD1 - P10	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHài - TĐông - THẢO	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	86	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
2	KOROTKOV V.A	TD1	85	1	7		107	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
4	DƯƠNG XUÂN THĂNG	TD1	88	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THIỆU	TD1	95	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	93	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	89	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	92	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
10	BUI MẠNH PHÚC	TD1	97	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	90-91	2	10	114	85	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VĂN NINH	TD1	87	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD1	96	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN THANH TÀI	TD1	94	1	6		55	DVL	Vietnamese
15	LUƠNG VĂN DÌNH	TD1	12	1	5		65	SHINTRAC	Vietnamese
16	LÊ MINH DUYỄN	TD1	98	1	9		86	SHINTRAC	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN TUÂN	TD1	99	1	4		62	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

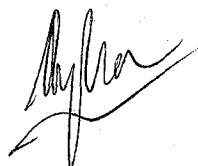
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	16	87	1.251	114	16		
2	P10	0	0	0	0	13	6		
TOTAL		17	16	87	1.251	127	22		
WEIGHT KG				87	1.251	127			

GRAND TOAL: 1.465 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2019	TO: P7 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - PTUÁN	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	P7	56	1	9		60	YTE	Vietnamese
2	ĐOÀN TRỌNG TUÔNG	P7	58-59	2	13		90	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ BA HÒA	P7	55	1	17		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUÝ TÀI	P7	53	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN TÂM	P7	52	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐAM VĂN QUANG	P7	60	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NGỌC TÙNG	P7	57	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG ANH TUÂN	P7	54	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TÀ VĂN VIỆT	P7	51	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TIẾN HIỆP	P7	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU HUNG	P7	65	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN LỢI	P7	61	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TRỌNG AN	P7	63	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	62	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NAM SINH	P2	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU VĂN TỰ	P2	75	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ SINH TÂM	P2	68	1	4		92	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	70	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	71	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ VĂN NAM	P2	73	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG ĐỨC LINH	P2	74	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ TUÂN VŨ	P2	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

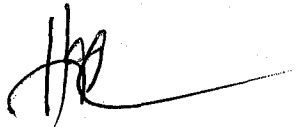
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	14	15	96	940	0	11		
2	P2	8	8	30	556	0	11		
TOTAL		22	23	126	1.496	0	22		
WEIGHT KG				126	1.496	0			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2019	TO: P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Vận - MTHAO - DTùng	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN HOANG	P4	37	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI MINH TUAN	P4	38	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
3	VU THANG	P4	39	1	7		91	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN NGOC TUAN	P4	34	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NHAN HAI	P4	27	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN KHANH	P4	26	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM KHAC DOAN	P4					66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VU HONG HA	P4	31	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN KHOAI	P4	29	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SON	P4	28	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
11	KHUONG VAN THAO	P4	30	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO SY KHOA	P4	35	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	HA TAN DUNG	P4	32	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI QUANG SON	P4	33	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
15	DO MANH DUNG	P4	24-25	2	10		53	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	36	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN HONG DUONG	P4	40	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	17	17	92	1.181	0	22		
TOTAL		17	17	92	1.181	0	22		
WEIGHT KG				92	1.181	0			

GRAND TOAL: 1.273 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2019	TO: AMD - BK6 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - Nam	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN DAI NGHIA	AMD	77-78	2	15		70	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN KY	AMD	50	1	5		57	TLJOC	Vietnamese
3	K LỘC	AMD	80	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THANH	AMD	76	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SANH	AMD	74	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	75	1	3	18	60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO VAN SAU	AMD	73	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LE THANH TUNG	AMD	79	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO ĐỨC HUNG	BK6					60	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VAN HIEU	BK6	68	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH PHUC AM	BK6	69-70	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC LANG	BK6	56	1	7	52	65	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN PHE	BK6	67	1	6		66	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TAT HOA	BK8					78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN THUAN	BK8	10	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC TAN	BK8	13	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG QUANG THUONG	BK8					70	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN Y	BK8	08	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN VAN LAC	BK8	07	1	15	40	95	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐO TRỌNG LƯỢNG	BK8	11-12	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
21	VU THE CHUYEN	BK8	55	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐAO MINH ĐỨC	BK8	09	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	8	9	46	522	18	5		
2	BK6	5	5	31	321	52	8		
3	BK8	9	8	67	660	40	9		
TOTAL		22	22	144	1.503	110	22		
WEIGHT KG				144	1.503	110			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2019	TO: P2 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - THẢO	ETA: 11:40
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE THANH HAI	P2	31	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	K. LING	P2	28	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC LAM	P2	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU HA	P2	21	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN QUYEN	P2	23	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	VU NGOC DUNG	P2	32-33	2	18		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN HUNG	P2	29-30	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LE DINH HUAN	P2	27	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HUNG	P2	22	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG THANG	P2					76	KH-THAC	Vietnamese
11	KHONG TIEN DUNG	P2	39	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	LE PHU PHUC	P2	38	1	8		82	DVL	Vietnamese
13	DO NGOC DUYEN	P2	36	1	10		75	DVL	Vietnamese
14	TRAN VAN THU	P2	37	1	13		53	DVL	Vietnamese
15	KRAVTSOV ALEXANDR	P2	20	1	15		71	DVL	Russian
16	PHAN VAN THINH	P2	26	1	5		75	NIPi	Vietnamese
17	TRAN KHOA TRUONG	P2	25	1	5		75	NIPi	Vietnamese
18	TRAN THI MIEN	P2	35	1	5		45	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYEN THI LIEN	P2	34	1	5		48	T-TIN	Vietnamese
20	MAI VAN DUNG	CTK3					65	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	20	141	1.269	0	22		
2	CTK3	1	0	0	65	0	0 + 1		+1NB VE
TOTAL		20	20	141	1.334	0	22		
WEIGHT KG				141	1.334	0			

GRAND TOAL: 1.475 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2019	TO: P5 - BK5	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - PTUÂN	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VƯƠNG VĂN THÔNG	P5	20,025	2	10		60	YTE	Vietnamese
2	BUI VĂN BÁC	P5					75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG PHÚC	P5	23	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	25	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÔNG VĂN THỊNH	P5	03	1	7	40	82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	50	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC THANH	P5	46	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUÂN	P5	45	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ QUANG HÙNG	P5	04	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
11	TUẦN VĂN SƠN	P5	02	1	5		80	PSV	Vietnamese
12	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	19	1	5		55	PSV	Vietnamese
13	ĐÀO XUÂN THANH	P5	05	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆN	P5	44	1	5		65	DK9	Vietnamese
15	LÊ NGỌC AN	BK5	56	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	59	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ HỮU LINH	BK5	58	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	CU VIỆT LONG	BK5	57	1	13	60	70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	60	1	5		100	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	14	14	70	969	40	14		
2	BK5	5	5	34	375	60	6		
TOTAL		19	19	104	1.344	100	20		
WEIGHT KG				104	1.344	100			

GRAND TOAL: 1.548 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2019	TO: P7	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Vận - KHOẢN - DTùng	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THIÊN	P7	80	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ QUANG THẮNG	P7	76	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P7	82	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU VĂN ĐẠT	P7	85-86	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese
5	VU TRUNG KIẾN	P7	84	1	11		77	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO XUAN LONG	P7	83	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN HỒNG HAI	P7	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SOAI	P7	74	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P7	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHUÔNG	P7	81	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	P7	79	1	15		70	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN ANH QUANG	P7	78	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
13	BUI ĐAC CANH	P7	72	1	3		64	PSV	Vietnamese
14	LÊ VIỆT KHANG	P7	69	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	HOANG VIỆT HUNG	P7	71	1	5		72	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HẠNH	P7	70	1	10		73	PSV	Vietnamese
17	MAI VĂN TOÀN	P7	73	1	10		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	17	18	129	1.178	0	22		
TOTAL		17	18	129	1.178	0	22		
WEIGHT KG				129	1.178	0			

GRAND TOAL: 1.307 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2019	TO: HSD - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hôi - QViệt - Năm	ETA: 13:40
CAM-3			

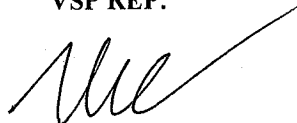
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG THO	HSD	23-24	2	15		63	TLJOC	Vietnamese
2	TRAN NGOC THU	HSD	25	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
3	TRUONG DUC HUNG	HSD	22	1	7	45	80	KH-THAC	Vietnamese
4	LE CHI CUONG	HSD	20-21	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH SONG	HSD	26	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN THE	AMD	82-84	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DUNG	AMD	74	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
8	THAI BA HUNG	AMD	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NGHIEM	AMD	75	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO QUANG HUAN	AMD	76	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	71	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG THE KHAI	AMD	73	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ANH DUY	AMD	81	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN LE HONG VU	AMD	78	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
15	VU MANH HA	AMD	77	1	8	60	85	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG DINH VINH	AMD	79-80	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH HUU TINH	AMD	72	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	5	7	49	338	45	4		
2	AMD	12	15	88	817	60	18		
TOTAL		17	22	137	1.155	105	22		
WEIGHT KG				137	1.155	105			

GRAND TOAL: 1.397 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2019	TO: PPD - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: LHM - VTHU - THAO	ETA: 13:50
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN THANH QUANG	PPD	73	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN SI DU	P1					70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM DUC BON	P1	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI HUY NGHIEP	P1	25	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
5	DANG DUC TOANH	P1	27	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH HAI	P1	23	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NONG	P1	31	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG YEN	P1	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU NGHIA	P1	28	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LE MINH HIEU	P1	24	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG DUY KHUONG	P1	26	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN VAN DU	P1					75	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO DANG PHONG	P1	22	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VIET CHUNG	P1	21	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	1	1	3	72	0	5		
2	P1	13	11	58	887	0	17		
TOTAL		14	12	61	959	0	22		
WEIGHT KG				61	959	0			

GRAND TOAL: 1.020 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	15	0		19	0	
2		P1+TD2	7:25	3+16	0+0		1+21	0+0	
3		RP3+RC6	7:25	17+5	0+0		10+12	0+0	
4		P7+RP3+RCDM	7:25	15+1+5	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
5		PVD1+RC4+RC3	7:25	5+10+3	0+0+0		2+17+3	0+0+0	
6		RP1	9:25	22	0		22	0	
7		PVD1	9:25	18	0		22	0	
8		P8+TD1+RP2	9:25	6+5+10	0+0+0		0+0+21	0+0+0	
9		RP2	9:25	22	0		22	0	
10		RC5+RC3	11:25	9+6	0+0		7+15	0+0	
11		RP3+RP1	11:25	15+4	0+0		16+6	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1-RC3 - 3 người đi về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HHai - ĐTrung	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH TUẤN	BK THIE	18	1	6	65	67	KH-THAC	Vietnamese
2	AVAKYAN S	BK THIE	01-02	2	13		100	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN QUANG TUYẾN	BK THIE	06	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRONG SƠN	BK THIE	07	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TRI	BK THIE	16	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
6	KHÔNG THAI BÌNH	BK THIE					75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH TÙNG	BK THIE	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐAN	BK THIE	08	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VU TIEN VINH	BK THIE	17	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CHÍNH	BK THIE	03	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NAM	BK THIE	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	K LY	BK THIE	11	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
13	VU QUANG THÔNG	BK THIE					68	KH-THAC	Vietnamese
14	GIANG TRUNG HIEU	BK THIE	05	1	5		105	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUY TOÀN	BK THIE	10	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	15	14	68	1.064	65	19		
TOTAL		15	14	68	1.064	65	19		
WEIGHT KG				68	1.064	65			

GRAND TOAL: 1.197. KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2019	TO: P1 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Thanh - Hồi - Toan	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC ĐOAI	P1	33	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ HỒNG LONG	P1	32	1	7		65	XAY LAP	Vietnamese
3	TRAN NGOC THE	P1	34	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	POROMARENKO A	TD2	73	1	5		105	KHOAN	Russian
5	GUSHEYNOV M.A	TD2	72	1	5		80	KHOAN	Russian
6	CHU VAN HUNG	TD2					60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HAI	TD2	12	1	5		60	"	Vietnamese
8	BUI HUU HONG	TD2					80	"	Vietnamese
9	VUONG DINH LIEN	TD2	75	1	2		65	"	Vietnamese
10	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	76	1	5		65	"	Vietnamese
11	NGÔ VĂN BẠC	TD2	77	1	5	40	76	"	Vietnamese
12	ĐO VĂN HUNG	TD2	78	1	5	55	68	"	Vietnamese
13	TRẦN HUNG HUNG	TD2	23	1	5		70	"	Vietnamese
14	CAO VĂN LỢI	TD2	24	1	5		67	"	Vietnamese
15	MAI VĂN HOANG	TD2	74	1	5		60	"	Vietnamese
16	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	14-15	2	15		80	"	Vietnamese
17	HOANG VIỆT LINH	TD2	16	1	7		72	"	Vietnamese
18	NGUYỄN CHI LINH	TD2	13	1	5		80	DVL	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN PHI	TD2	79	1	5		55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

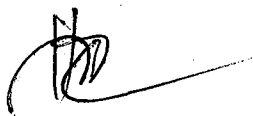
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	3	3	27	200	0	1		
2	TD2	16	15	79	1.143	95	21		
TOTAL		19	18	106	1.343	95	22		
WEIGHT KG				106	1.343	95			

GRAND TOAL: 1.544 KGS

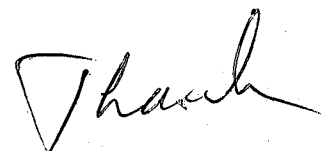
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2019	TO: RP3 - RC6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - HIẾU	ETA: 09:15
VANG-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	42	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	52-53	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH TÂN NGON	RP3	45-46	2	6	10	71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TUNG *TT	RP3	32	1	4	50	56	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN MINH	RP3	43	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGOC CHÂN	RP3	33	1	6		68	YTE	Vietnamese
7	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	36	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM ANH ĐỒNG	RP3					80	KH-THAC	Vietnamese
9	VÕ HỒ HAI	RP3	35	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN GIA THIÊN	RP3	40	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRI CHUNG	RP3	41	1	12		50	KH-THAC	Vietnamese
12	VÕ TÂN CHAU	RP3	37	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO ĐỨC THANH	RP3	38	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	44	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN SỸ ĐIỆP	RP3	34	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VĂN HỒI	RP3	54	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	RC6	51	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH VĂN TIÊN	RC6	52	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ QUỐC HUY	RC6	47	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG NHẬT THANH	RC6	48	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	49-50	2	14	50	76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	18	94	1.187	60	10		
2	RC6	5	6	38	362	50	12		
TOTAL		22	24	132	1.549	110	22		
WEIGHT KG				132	1.549	110			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2019	TO: P7 - RP3 - RCDM	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - Vũ	ETA: 09:30
NAU-1			

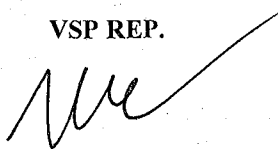
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV SERGEY	P7	06	1	9		96	KHOAN	Russian
2	VŨ NGỌC THANH	P7	09	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THAI DUƠNG	P7	12-14	3	20		52	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH TINH	P7	04	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀO DANH THANH	P7	05	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÀU CAO KHANG	P7	02	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUAN HẬU	P7	01	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐĂNG TÀI*PK-PVD	P7	11	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VĂN THANH	P7	07	1	3	50	68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P7	08	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ HỒNG GIANG	P7	10	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
12	TANG TIẾN TOÀN	P7	15	1	12		85	DVL	Vietnamese
13	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	P7	17	1	17	10	75	DVL	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN CHUNG	P7	03	1	19		72	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN HAI ĐĂNG	P7	16	1	14		80	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	83	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HAI	RCDM	76	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	CÚ NGỌC BÀN	RCDM	71	1	4	50	54	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LẠ	RCDM					73	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN THANH	RCDM	72	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

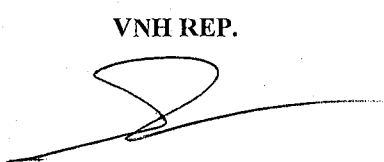
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	15	17	150	1.064	60	12		
2	RP3	1	1	3	72	0	5		
3	RCDM	4	3	18	256	50	5		
TOTAL		20	21	171	1.392	110	22		
WEIGHT KG				171	1.392	110			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

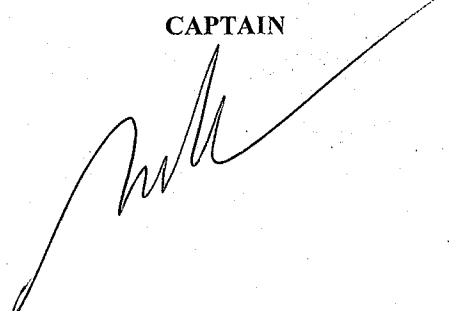
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2019	TO: PVD1 - RC4 - RC3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - L Hải - THẢO -	ETA: 09:30
TRANG-1		dũng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG CUÔNG	PVD1	63	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
2	BUI VĂN THỀM	PVD1	62	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
3	VU HUNG MANH	PVD1	64	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN NGOC DUC	PVD1	94-95	2	15		67	KHOAN	Vietnamese
5	EUGENE SCOTT DUBOIS	PVD1	96-97	2	17		116	KHOAN	American
6	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	71	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG TIN	RC4	78-79	2	17		90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ĐÌNH LỘC	RC4	75	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH MINH TRI	RC4	70	1	3	40	50	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU TUAN ANH	RC4	80-81	2	8	30	65	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN DŨNG	RC4	77	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN QUỐC QUÂN	RC4	72	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ VĂN DŨNG	RC4	76	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
14	ĐÌNH TÙNG LAM	RC4	82	1	3		60	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYEN QUỐC VIỆT	RC4	73-74	2	14		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN THẮNG	RC3	23	1	2		52	NIPI	Vietnamese
17	NGUYEN CANH TÂN	RC3				20	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NHAM ĐIỆN BIÊN	RC3					68	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	5	7	48	413	0	2		
2	RC4	10	13	83	703	70	17		
3	RC3	3	1	2	190	20	3		
TOTAL		18	21	133	1.306	90	22		
WEIGHT KG				133	1.306	90			

GRAND TOAL: 1.529 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2019	TO: P7 - RP3 - RCDM	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - Vũ	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV SERGEY	P7	06	1	9		96	KHOAN	Russian
2	VŨ NGỌC THÀNH	P7	09	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THAI DUONG	P7	12-14	3	20		52	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MANH TINH	P7	04	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀO DANH THANH	P7	05	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÀU CAO KHANG	P7	02	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN HAU	P7	01	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐĂNG TÀI*PK-PVD	P7	11	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VĂN THANH	P7	07	1	3	50	68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN DAT	P7	08	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ HỒNG GIANG	P7	10	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
12	TÀNG TIEN TOAN	P7	15	1	12		85	DVL	Vietnamese
13	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	P7	17	1	17	10	75	DVL	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN CHUNG	P7	03	1	19		72	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN HAI ĐĂNG	P7	16	1	14		80	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	83	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ QUANG TUYEN	RCDM	76	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	CÚ NGỌC BẠN	RCDM	71	1	4	50	54	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VĂN LẠ	RCDM					73	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN THANH	RCDM	72	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	15	17	150	1.064	60	12		
2	RP3	1	1	3	72	0	5		
3	RCDM	4	3	18	256	50	5		
TOTAL		20	21	171	1.392	110	22		
WEIGHT KG				171	1.392	110			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2019	TO: RP1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - Vũ	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐẠI	RP1	50	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH HAI	RP1	48	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG BA ĐIỀU	RP1	54	1	3		57	YTE	Vietnamese
4	ЗАХАРОВ С.В.	RP1	57	1	7		110	KH-THAC	Russian
5	TRẦN TUẤN ANH	RP1	59	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN THAI	RP1	66	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGỌC LONG	RP1	60	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG CÔNG THANH	RP1	52	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH MINH SANG	RP1	63	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1					73	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRI KHANH	RP1	53	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	49	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
14	HA QUỐC HOÀN	RP1	47	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN THANH	RP1	65	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	64	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TRỌNG HIỂU	RP1	55	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM BA TÀI	RP1	67	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TÀNG THANH DÂN	RP1	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TOÀN	RP1	62	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
22	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	RP1	61	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	21	129	1.580	20	22		
TOTAL		22	21	129	1.580	20	22		
WEIGHT KG				129	1.580	20			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2019	TO: PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - HIẾU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CAO THONG	PVD1	61	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
2	LE XUAN DUONG	PVD1	81	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	DAO QUANG DUNG	PVD1	3000	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VAN THO	PVD1	99	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	QUACH VAN THANG	PVD1	55	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN NGOC DINH	PVD1	77	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN GIANG	PVD1	60	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
8	CAO XUAN CUONG	PVD1	59	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	LAM VIET TIEP	PVD1	98	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH HUU BINH	PVD1	58	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG HOA	PVD1	54	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THANG	PVD1	56	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN LAN	PVD1	100	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC DANG	PVD1	78	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC THIEN	PVD1	79	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN XUAN PHU	PVD1	76	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
17	VU VAN TUONG	PVD1	80	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
18	DINH QUANG TAM	PVD1	57	1	5		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	18	18	87	1.253	0	22		
	TOTAL	18	18	87	1.253	0	22		
	WEIGHT KG			87	1.253	0			

GRAND TOAL: 1.340 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2019	TO: P8 - TD1 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Thanh - Hôi - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TAN TRUNG	P8	39	1	5		50	TRUONG V	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DEN	P8	36	1	5		55	TRUONG V	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CONG	P8	37	1	9		74	TRUONG V	Vietnamese
4	TRUONG VAN HUAN	P8	41-42	2	20		61	TRUONG V	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG SAN	P8	40	1	12		48	TRUONG V	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CHAU	P8	38,43	2	11		60	TRUONG V	Vietnamese
7	NGUYEN HUNG DUNG	TD1	68	1	10		75	DVL	Vietnamese
8	LUU DINH TRONG	TD1	67	1	16		75	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TIET	TD1	94	1	16		76	DVL	Vietnamese
10	LUU BA XO	TD1	96-97	2	12	9	77	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN DUC LONG	TD1	95	1	11		60	DVL	Vietnamese
12	TRAN DUC KHANG	RP2	22	1	6	35	81	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LIEM	RP2	26	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG VINH	RP2	20	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TAN TAI	RP2					74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HIEU	RP2	23	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DOAN BINH	RP2	19	1	5		70	YTE	Vietnamese
18	NGUYEN DUY HUNG	RP2	24	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM TUAN VIET	RP2	21	1	14		85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	25	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
21	DO DUC CUONG	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
22	TARASENKO	RP2	18	1	12		75	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	6	8	62	348	0	0		
2	TD1	5	6	65	363	9	0		
3	RP2	11	9	60	818	35	21		
TOTAL		22	23	187	1.529	44	21		
WEIGHT KG				187	1.529	44			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2019	TO: RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - LHM - THẢO -	ETA: 11:35
TRANG-2		dũng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC TRƯỜNG	RP2	28	1	5		46	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	32	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	33	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NGỌC LAN	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC OANH	RP2					64	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	31	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ HỮU QUAN	RP2	25	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ HOANG CẨM	RP2	37	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	29	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ LAM	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	26	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN SAU	RP2	40	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI NGỌC THÂN	RP2					73	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	27	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ CHI CÔNG	RP2	36	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGUYỄN PHONG	RP2	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VUONG KHA KIEU	RP2	38	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VU HOANG QUAN	RP2					63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN SƠN	RP2	35	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
21	VŨ THANH NHẬT	RP2	30	1	5		83	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN PHÚ QUÝ	RP2	34	1	3		77	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	16	73	1.492	0	22		
TOTAL		22	16	73	1.492	0	22		
WEIGHT KG				73	1.492	0			

GRAND TOAL: 1.565 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2019	TO: RC5 - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO THANH HỢP	RC5	41	1	5	65	70	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ VĂN ĐÔNG	RC5	35	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THUẬN	RC5	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG HÙNG	RC5					55	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN LIÊN	RC5	37	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH THĂNG	RC5	39	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VĂN THÔNG	RC5	36	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
8	LÝ BĂNG	RC5	40	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN HỒNG	RC5	34	1	5		51	PSV	Vietnamese
10	BUI SY HIEU	RC3	95-96	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG MINH KHANH	RC3	98	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THẾ MẠNH	RC3					78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO KHANH NAM	RC3	97	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM SƠN	RC3	99	1	5	21	82	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	9	8	53	607	65	7		
2	RC3	5	5	33	361	21	15		
TOTAL		14	13	86	968	86	22		
WEIGHT KG				86	968	86			

GRAND TOTAL: 1.140 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2019	TO: RP3 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hạnh - TUYỀN - HIẾU	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	86	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	90-91	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH QUANG THÀNH	RP3	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN TRỌNG	RP3	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HAI HÀ *TT	RP3	87	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ THANH LÂM	RP3	85	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG HAI HÀ	RP3	88	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐỒNG	RP3	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HIỀN	RP3	92	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3					82	KHI	Vietnamese
12	LUƠNG ĐỨC THIỆN	RP3	97-99	3	15		70	KHI	Vietnamese
13	ĐOÀN XUÂN CHIẾN	RP3	300	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	THAI ĐOÀN VIỆT	RP3	95	1	5		69	KHI	Vietnamese
15	MAI ĐỨC CƯỜNG	RP3	95	1	5		65	KHI	Vietnamese
16	VŨ BA NẾP	RP1	73-74	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NAM TRUNG	RP1	70	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT BĂNG	RP1	72	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	17	96	1.055	0	15		
2	RP1	4	5	32	260	0	6		
TOTAL		19	22	128	1.315	0	21		
WEIGHT KG				128	1.315	0			

GRAND TOAL: 1.443 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN